

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 28
Phụ lục: Bảng tổng hợp giao dịch các bên liên quan	29 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 đã được soát xét.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101788806 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/9/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 25/04/2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLEUM LOGISTIC SERVICE AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: PLAND.,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1 Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Vương Thái Dũng	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Hùng	Ủy viên
Ông Trương Hùng Sơn	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 08/4/2015)
Ông Vũ Đức Tiến	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 08/4/2015)
Ông Nguyễn Văn Tiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Thăng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 08/4/2015)
Ông Đặng Hồng Quang	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 08/4/2015)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Phan Thanh Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Phan Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2015

Số: 464 /2015/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, được lập ngày 07/8/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (gọi tắt là "Công ty"), trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo Kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2013-075-1
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2015

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2013-075-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		150.168.222.943	103.809.603.070
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	78.295.202.027	59.746.004.358
1. Tiền	111		3.846.702.027	1.326.004.358
2. Các khoản tương đương tiền	112		74.448.500.000	58.420.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	30.000.000.000	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.562.960.888	30.590.940.219
1. Phải thu khách hàng	131		9.354.986.792	7.999.730.803
2. Trả trước cho người bán	132		7.425.348.435	14.752.015.256
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	12.180.182.113	7.839.194.160
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.397.556.452)	-
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	11.124.279.143	10.921.719.609
1. Hàng tồn kho	141		11.124.279.143	10.921.719.609
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		4.185.780.885	2.550.938.884
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		291.463.111	24.004.692
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.5	583.300.862	331.924.004
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154	5.5	296.918.803	292.258.282
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	3.014.098.109	1.902.751.906
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		90.525.086.118	161.709.625.594
II- Tài sản cố định	220		82.651.148.686	152.824.741.334
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	5.650.465.385	6.974.630.868
- Nguyên giá	222		10.778.621.671	12.546.475.362
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.128.156.286)	(5.571.844.494)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	12.651.250.000	12.503.724.369
- Nguyên giá	228		12.651.250.000	12.651.250.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(147.525.631)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	64.349.433.301	133.346.386.097
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	5.879.848.718	5.559.373.296
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.369.824.718	4.359.870.096
3. Đầu tư dài hạn khác	258		4.426.677.840	4.426.677.840
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2.916.653.840)	(3.227.174.640)
V- Tài sản dài hạn khác	260		1.994.088.714	3.325.510.964
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	1.994.088.714	3.325.510.964
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		240.693.309.061	265.519.228.664

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		20.281.772.893	17.851.085.290
I- Nợ ngắn hạn	310		18.353.925.382	14.108.237.779
2. Phải trả người bán	312		3.290.842.383	986.849.784
3. Người mua trả tiền trước	313		7.678.099.698	6.549.434.646
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	2.070.655.107	1.740.184.652
5. Phải trả người lao động	315		1.326.363.969	471.936.235
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	3.788.846.064	4.060.714.301
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		199.118.161	299.118.161
II- Nợ dài hạn	330		1.927.847.511	3.742.847.511
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		312.847.511	312.847.511
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.615.000.000	3.430.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		220.411.536.168	247.668.143.374
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	220.411.536.168	247.668.143.374
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.885.311.819	12.885.311.819
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		373.845.938	373.845.938
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.002.679.390	1.002.679.390
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(11.299.515.946)	7.820.381.405
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.15	17.449.214.967	25.585.924.822
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)	440		240.693.309.061	265.519.228.664

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

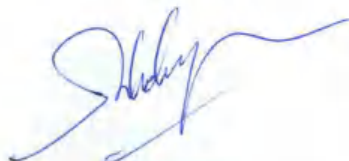
Chỉ tiêu	TM	30/06/2015	1/1/2015
5. Ngoại tệ các loại - USD		151,46	151,34

Người lập biểu



Vũ Phương Nhung

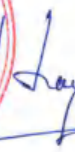
Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy Diệp

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc

Phan Thanh Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	17.871.879.366	29.457.146.323
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		17.871.879.366	29.457.146.323
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	17.139.807.810	27.453.798.469
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		732.071.556	2.003.347.854
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	2.156.753.954	2.933.341.520
7. Chi phí tài chính	22	5.19	(309.796.633)	(67.324.309)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		724.167	2.000.000
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		9.954.622	(102.751.212)
9. Chi phí bán hàng	25		242.657.990	221.012.001
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		6.944.576.093	4.450.737.150
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(3.978.657.318)	229.513.320
12. Thu nhập khác	31		50.452.272.365	4.237.636
13. Chi phí khác	32		73.730.222.253	406.000
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.20	(23.277.949.888)	3.831.636
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(27.256.607.206)	233.344.956
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	210.779.832
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(27.256.607.206)	22.565.124
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(19.119.897.351)	46.735.402
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát (62 = 60-61)	62		(8.136.709.855)	(24.170.278)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	(956)	2

Người lập biểu



Vũ Phương Nhung

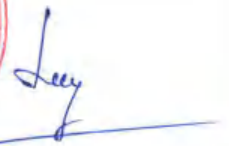
Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy Diệp

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc

Phan Thanh Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
		VND	VND
	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(27.256.607.206)	233.344.956
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	290.765.266	597.123.292
- Các khoản dự phòng	03	2.087.035.652	(86.375.200)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	21.321.942.018	(2.249.053.064)
- Chi phí lãi vay	06	724.167	2.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.556.140.103)	(1.502.960.016)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	242.905.195	(567.004.428)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(202.559.534)	(4.790.458.196)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.521.626.705	6.627.844.559
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.063.963.831	(35.407.424)
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(2.000.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(742.353.482)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	29.195.000	3.503.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(100.724.167)	(9.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.733.073)	(1.018.035.987)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.721.699.222)	(604.391.132)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	50.375.445.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(30.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	640.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.897.184.509	2.249.053.064
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	18.550.930.742	2.285.161.932
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	2.200.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(2.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	18.549.197.669	1.267.125.945
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	59.746.004.358	61.439.893.416
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	78.295.202.027	62.707.019.361

Người lập biểu



Vũ Phương Nhung

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy Diệp

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09a - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu gọi tắt là (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101788806 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/9/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 25/04/2014. Vốn điều lệ của Công ty là 200 tỷ đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLEUM LOGISTIC SERVICE AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: PLAND.,JSC.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	10.200.000	102.000.000.000	51 %
Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	1.000.000	10.000.000.000	5%
Công ty CP Xây lắp I Petrolimex	500.000	5.000.000.000	2,5%
Quỹ VOF	1.000.000	10.000.000.000	5%
Công ty Xăng dầu Khu vực II	50.000	500.000.000	0,25%
Công ty TNHH Đông Dương	1.000.000	10.000.000.000	5%
Công ty CP Chứng khoán SHS	3.800.000	38.000.000.000	19%
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	200.000	2.000.000.000	1%
Các cổ đông khác	2.250.000	22.500.000.000	11,25%
Tổng	20.000.000	200.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1 Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong kỳ: 66 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh và cho thuê bất động sản, văn phòng làm việc, căn hộ, nhà ở, khách sạn, nhà hàng, kiốt, trung tâm thương mại, siêu thị; thuê, cho thuê đất, kho tàng, bến bãi, nhà xưởng, hội nghị, hội trường, nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt (phòng hoà nhạc, nhà hát, trường quay, rạp chiếu phim); kinh doanh và cho thuê các cơ sở hạ tầng xăng dầu (cửa hàng, kho chứa, đường ống, cảng tiếp nhận), kinh doanh khu du lịch, khu vui chơi giải trí;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn, môi giới, định giá, quản lý bất động sản và các dịch vụ về nhà đất; các dịch vụ cho thuê nhà ở và văn phòng làm việc;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn Phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.
- ...

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 là: Kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Năm tài chính/kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Các công ty con được hợp nhất:

Công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
Công ty TNHH MTV Xây lắp Petrolimex	số 8 tổ 38 phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	5.000.000.000	100,0%	Xây dựng
Công ty CP ĐT và Du lịch Petrolimex Huế	số 50A Hùng Vương, phường Phú Nhuận, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	67.444.440.000	65,9%	Xây dựng
Công ty CP TV Công nghệ XD Petrolimex	số 1 phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, TP Hà Nội	3.000.000.000	54%	Tư vấn
Công ty CP TM và DV Petrolimex Huế	KQH Tự Đức, Thủy Dương, phường Thủy Xuân, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	6.279.000.000	93,6%	Kinh doanh XD, dịch vụ

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và sổ dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các khoản đầu tư khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
(số năm)

Nhà cửa vật kiến trúc
Phương tiện vận tải

25
06 - 07

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Quyền sử dụng đất

Là Quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty tại tổ 38 phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, theo quy định Công ty không trích khấu hao đối với tài sản này; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 288742 cấp ngày 16/01/2012 cho Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Petrolimex Huế (Công ty con) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là khấu hao là 50 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 2 năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Đối với doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam và các công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nạo trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	213.962.902	94.086.943
Tiền gửi ngân hàng	3.632.739.125	1.231.917.415
Các khoản tương đương tiền (*)	74.448.500.000	58.420.000.000
Tổng	78.295.202.027	59.746.004.358

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín- PGD Phú Xuân	10.000.000.000	-
- Tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín- PGD Phú Xuân	10.000.000.000	-
- Tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thừa Thiên Huế	10.000.000.000	-
Tổng	30.000.000.000	-

5.3 Các khoản phải thu khác

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Nhựa cao cấp Hàng Không (1)	7.000.000.000	-
Công ty CP Tư Vấn CNXD Petrolimex	143.298.202	-
Công ty CP đầu tư PT Nhà và XD Tây Hồ (2)	200.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư XD&KD BĐS ATIS Việt Nam	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội Nguyễn Hải Kiên (3)	4.218.534.600	4.218.534.600
Phải thu khác	192.793.756	320.659.560
Tổng	12.180.182.113	7.839.194.160

(1): Hợp đồng liên doanh số 02/HĐLD ngày 15/06/2015 về việc góp vốn vào Công ty CP Nhựa cao cấp Hàng không để sản xuất kinh doanh nguyên liệu nhựa và các sản phẩm về nhựa. Thời hạn hợp tác 6 tháng và được hưởng tối thiểu 11%/năm trên tổng số vốn góp mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh.

(2): Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và XD Tây Hồ (Bên A) ngày 06/01/2012. Mục đích của hợp đồng là góp vốn với Bên A thực hiện thỏa thuận hợp tác kinh doanh số 09/2010/ICON4-TH-34 mà bên A ký với chủ đầu tư cấp 2 là Công ty CP ĐT& XD số 4 để xây dựng Dự án xây nhà ở cao tầng trên ô đất có ký hiệu N01-T5 thuộc dự án Khu đoàn Ngoại giao.

(3): Tiền Công ty tạm ứng cho cá nhân trong Công ty để thực hiện hợp đồng mua bất động sản theo sự ủy quyền của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.4 Hàng tồn kho

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.244.075	4.204.394
Công cụ, dụng cụ	17.911.818	830.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.771.120.465	5.531.890.665
Hàng hoá	246.825.785	299.617.550
Hàng hóa bất động sản (*)	5.085.177.000	5.085.177.000
Tổng	11.124.279.143	10.921.719.609

(*): Chủ yếu là giá trị mua và một số chi phí khác liên quan đến việc mua căn nhà Số 31, ngõ 105, tổ 20, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội với mục đích để bán.

5.5 Thuế GTGT và các khoản khác phải thu Nhà nước

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	583.300.862	331.924.004
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	292.258.282	292.258.282
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	4.660.521	-
Tổng	880.219.665	624.182.286

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	3.014.098.109	1.873.556.906
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	29.195.000
Tổng	3.014.098.109	1.902.751.906

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2015	6.972.102.739	1.274.848.558	4.231.099.456	68.424.609	12.546.475.362
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	1.117.335.509	30.900.000	619.618.182	-	1.767.853.691
Thanh lý, nhượng bán	1.071.487.364	30.900.000	619.618.182	-	1.722.005.546
Giảm khác	45.848.145	-	-	-	45.848.145
Số dư tại 30/06/2015	5.854.767.230	1.243.948.558	3.611.481.274	68.424.609	10.778.621.671
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2015	1.632.234.153	844.812.427	3.026.373.305	68.424.609	5.571.844.494
Tăng trong kỳ	182.960.172	61.096.554	207.827.481	-	451.884.207
Khấu hao trong kỳ	182.960.172	61.096.554	207.827.481	-	451.884.207
Giảm trong kỳ	550.937.406	9.008.496	335.626.513	-	895.572.415
Thanh lý, nhượng bán	546.352.592	9.008.496	335.626.513	-	890.987.601
Giảm khác	4.584.814	-	-	-	4.584.814
Số dư tại 30/06/2015	1.264.256.919	896.900.485	2.898.574.273	68.424.609	5.128.156.286
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	5.339.868.586	430.036.131	1.204.726.151	-	6.974.630.868
Tại 31/12/2014	4.590.510.311	347.048.073	712.907.001	-	5.650.465.385

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 1.194.168.249 đồng.

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2015	12.651.250.000	12.651.250.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2015	12.651.250.000	12.651.250.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2015	147.525.631	147.525.631
Tăng trong kỳ	29.166.665	29.166.665
Khấu hao trong kỳ	29.166.665	29.166.665
Giảm trong kỳ	176.692.296	176.692.296
Giảm khác	176.692.296	176.692.296
Số dư tại 30/06/2015	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2015	12.503.724.369	12.503.724.369
Tại 30/06/2015	12.651.250.000	12.651.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

<i>Chi tiết theo công trình</i>	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dự án khu thương mại Nguyễn Văn Cừ	1.279.789.809	1.279.789.809
Dự án xây dựng TTTM và Dịch vụ Ngọc Khánh	24.472.176.749	24.472.176.749
Dự án Đà Nẵng	1.057.049.176	1.057.049.176
Dự án tòa nhà TDK-Petrolimex	37.080.980.522	37.080.980.522
Dự án Quán Bánh Hà Tĩnh	51.317.772	51.317.772
Dự án Bãi Trám Đông Anh	66.119.273	66.119.273
Dự án Nha Trang	342.000.000	342.000.000
Khách sạn Petrolimex Huế	-	68.996.952.796
Tổng	64.349.433.301	133.346.386.097

Dự án	Hiện trạng chi tiết
Dự án khu thương mại Nguyễn Văn Cừ	Đang thực hiện hợp đồng cho thuê công trình trên đất hình thành trong tương lai số 01/PLAND-VHC ngày 11/05/2013. Hiện nay công trình đã bàn giao đi vào sử dụng nhưng chưa quyết toán xong giá trị tài sản đầu tư trên đất.
Dự án xây dựng TTTM và Dịch vụ Ngọc Khánh	Thực hiện hợp đồng góp vốn đầu tư và phân chia sản phẩm số 04/HĐKT/PLAND-Đông Dương ngày 29/09/2006. Hiện tại đối tác là Công ty CP Đầu tư Đông Dương đang hoàn thiện tòa nhà để bàn giao cho Pland phần diện tích được chia theo thỏa thuận
Dự án Đà Nẵng	Dự án đầu tư khai thác khu đất tại số 1 Trần Phú và số 6 Bạch Đằng - TP Đà Nẵng. Trong quá trình triển khai dự án trong dài hạn, để bù đắp chi phí tăng hiệu quả khai thác, Cty đã thực hiện hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất trung hạn số 10/PLAND-TĐ.
Dự án tòa nhà TDK-Petrolimex	Từ 8/2008 đến 3/2010 dự án tạm dừng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để rà soát các đồ án quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội, sau khi huyện Mê Linh sáp nhập vào Hà Nội. Từ 3/2010 đến 8/2011, chờ phê duyệt quy hoạch chung TP Hà Nội, từ 8/2011 đến nay, thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch đầu nổi hạ tầng kỹ thuật để phù hợp với quy hoạch chung TP Hà Nội mở rộng.
Dự án Quán Bánh Hà Tĩnh	Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư
Dự án Bãi Trám Đông Anh	Đang trong giai đoạn nghiên cứu, đánh giá dự án đầu tư, sau khi có đánh giá cụ thể sẽ quyết định đầu tư hay không.
Dự án Nha Trang	Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Đầu tư vào công ty liên kết		4.369.824.718		4.359.870.096
Công ty CP BĐS Nghệ An	474.501	4.369.824.718	474.501	4.359.870.096
Đầu tư dài hạn khác		4.426.677.840		4.426.677.840
Đầu tư cổ phiếu		4.126.677.840		4.126.677.840
Cổ phiếu ACB	54.144	4.034.277.840	54.144	4.034.277.840
Cổ phiếu HPG		-		-
Cổ phiếu MPC		-		-
Cổ phiếu POT	4.000	61.000.000	4.000	61.000.000
Cổ phiếu AAA	1.000	31.400.000	1.000	31.400.000
Đầu tư dài hạn khác		300.000.000		300.000.000
Công ty CP DV và TM Petrolimex	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
Lâm Đồng				
Dự phòng giảm giá		(2.916.653.840)		(3.227.174.640)
ĐTTC dài hạn		(2.916.653.840)		(3.227.174.640)
Dự phòng giảm giá cổ phiếu		(2.916.653.840)		(3.227.174.640)
Tổng		5.879.848.718		5.559.373.296

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 30/06/2015 như sau:

Công ty	Ngành nghề	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát Ngành nghề
Công ty CP BĐS Nghệ An	Xóm 14 xã Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	10.000.000.000	47,45% KD BĐS

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

<i>Chi tiết theo nội dung</i>	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	200.158.507	189.456.737
Chi phí hợp tác kinh doanh	1.738.277.336	3.033.333.333
Chi phí khác	55.652.871	102.720.894
Tổng	1.994.088.714	3.325.510.964

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	356.217.153	407.128.820
Thuế thu nhập cá nhân	107.778.155	56.923.195
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	403.906.699	131.027.852
Các loại thuế khác	38.691.700	38.691.700
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.164.061.400	1.106.413.085
Tổng	2.070.655.107	1.740.184.652

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	32.936.377	54.606.126
Bảo hiểm xã hội	90.254.297	182.717.823
Bảo hiểm y tế	5.156.107	16.843.778
Bảo hiểm thất nghiệp	2.289.431	6.989.075
Phải trả tiền góp vốn dự án	400.000.000	400.000.000
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	466.324.903	466.324.903
Tiền cổ tức phải trả các cổ đông	297.637.900	311.173.200
Nguyễn Đình Chiến (*)	2.200.000.000	2.200.000.000
Phải trả cán bộ công nhân viên	-	-
Phải trả, phải nộp khác	294.247.049	422.059.396
Tổng	3.788.846.064	4.060.714.301

(*): Hợp đồng đặt cọc ngày 03/03/2014, Ông Chiến đặt cọc số tiền là 10% giá trị tạm tính của lô đất để khai thác khu đất hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại 01 Trần Phú + 06 Bạch Đằng, phường Hải Châu, TP Đà Nẵng, thời hạn đặt cọc là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

5.14 Vốn chủ sở hữu**a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	102.000.000.000	102.000.000.000
Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Xây lắp I Petrolimex	5.000.000.000	5.000.000.000
Quỹ VOF	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Xăng dầu Khu vực II	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Đông Dương	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán SHS	38.000.000.000	38.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	2.000.000.000	2.000.000.000
Các cổ đông khác	22.500.000.000	22.500.000.000
Tổng	200.000.000.000	200.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 Cổ phiếu	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: (VND/CP)</i>	10.000	10.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	200.000.000.000	12.885.311.819	373.845.938	1.002.679.390	7.741.521.500	222.003.358.647
Tăng trong năm	-	-	-	-	465.935.980	465.935.980
Lãi năm nay	-	-	-	-	465.935.980	465.935.980
Giảm trong năm	-	-	-	-	387.076.075	387.076.075
Trích quỹ	-	-	-	-	387.076.075	387.076.075
Số dư tại 31/12/2014	200.000.000.000	12.885.311.819	373.845.938	1.002.679.390	7.820.381.405	222.082.218.552
Số dư tại 01/01/2015	200.000.000.000	12.885.311.819	373.845.938	1.002.679.390	7.820.381.405	222.082.218.552
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	19.119.897.351	19.119.897.351
Lỗ kỳ này	-	-	-	-	19.119.897.351	19.119.897.351
Số dư tại 30/06/2015	200.000.000.000	12.885.311.819	373.845.938	1.002.679.390	(11.299.515.946)	202.962.321.201

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.15 Lợi ích của cổ đông thiểu số

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Vốn đầu tư của cổ đông thiểu số	24.780.000.000	24.780.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(7.330.785.033)	805.924.822
Tổng	17.449.214.967	25.585.924.822

5.16 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu bán hàng hóa	12.667.070.958	24.549.192.674
Doanh thu xây dựng	1.749.705.586	561.034.545
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.601.921.006	4.346.919.104
Doanh thu khác	1.853.181.816	-
Tổng	17.871.879.366	29.457.146.323

5.17 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giá vốn bán hàng hóa	12.063.619.202	23.795.062.203
Giá vốn xây dựng	2.394.640.260	426.180.541
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.681.548.348	3.232.555.725
Tổng	17.139.807.810	27.453.798.469

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.857.283.709	1.784.303.827
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.900.800	39.500.800
Lãi bán chứng khoán	-	132.597.680
Lãi bán hàng trả chậm	-	684.288.456
Doanh thu hoạt động tài chính khác	259.569.445	292.650.757
Tổng	2.156.753.954	2.933.341.520

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

5.19 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí lãi vay	724.167	2.000.000
Chi phí dự phòng đầu tư chứng khoán	(310.520.800)	(86.375.200)
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	17.050.891
Tổng	(309.796.633)	(67.324.309)

5.20 Lợi nhuận khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định, công cụ, dụng cụ	407.908.275	-
Thu nhập dự án khách sạn Petrolimex Huế	50.000.000.000	-
Thu nhập khác	44.364.090	4.237.636
Tổng	50.452.272.365	4.237.636
Chi phí khác		
Thanh lý Tài sản cố định, công cụ, dụng cụ	850.610.096	-
Thanh lý dự án khách sạn Petrolimex Huế	72.764.500.163	-
Chi phí khác	115.111.994	406.000
Tổng	73.730.222.253	406.000
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(23.277.949.888)	3.831.636

5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(19.119.897.351)	46.735.402
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND):	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(19.119.897.351)	46.735.402
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(956)	2

5.22 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	132.806.571	131.109.138
Chi phí nhân công	2.833.505.336	2.474.905.522
Chi phí công cụ, dụng cụ	110.602.939	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	366.295.785	597.123.292
Chi phí dự phòng	2.397.556.452	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	626.763.107	351.780.588
Chi phí khác bằng tiền	947.494.546	1.116.830.611
Tổng	7.415.024.736	4.671.749.151

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Thù lao	98.400.000	98.400.000

b. Số dư, Giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các biểu mẫu hợp nhất Tập đoàn - được chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

6.2 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.295.202.027	59.746.004.358
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.137.612.453	15.838.924.963
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	5.879.848.718	5.559.373.296
Tổng	133.312.663.198	81.144.302.617
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.079.688.447	5.047.564.085
Tổng	7.079.688.447	5.047.564.085

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ ít, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty phát sinh các khoản vay chịu lãi suất nhỏ, do đó, Công ty không có rủi ro lãi suất.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty có đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu và đã trích lập dự phòng đối với các cổ phiếu này tại thời điểm 30/06/2015 với giá trị là 2.916.653.840 đồng.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty chưa có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu là của các khách hàng luân chuyển liên tục và thường xuyên đối chiếu công nợ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.079.688.447	-	7.079.688.447
01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	5.047.564.085	-	5.047.564.085

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.295.202.027	-	78.295.202.027
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.137.612.453	-	19.137.612.453
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	5.879.848.718	5.879.848.718
01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.746.004.358	-	59.746.004.358
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.838.924.963	-	15.838.924.963
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	5.559.373.296	5.559.373.296

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được soát xét.

Người lập biểu



Vũ Phương Nhung

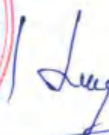
Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy Diệp

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc

Phan Thanh Hùng

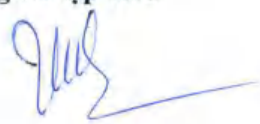
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu: 01/HN-CTC

BÁO CÁO CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN
 Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

Stt	Mã đơn vị	Hình thức/ Đơn vị đầu tư	Ngày bắt đầu đầu tư	Vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư		Số lượng cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ	Giá trị đầu tư (Đồng)	Tỷ lệ vốn góp	Mức độ ảnh hưởng	Tỷ lệ lợi ích
				Vốn điều lệ (Đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Đồng)						
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I		Đầu tư vào Công ty con (TK221)						56.943.440.000			
1	11061200	Công ty TNHH MTV Xây lắp Petrolimex	6/2009	5.000.000.000	5.000.000.000			5.000.000.000	100%	100%	100%
2	11061300	Công ty CP Đầu tư và Du lịch Petrolimex Huế	8/2008	67.444.440.000	67.444.440.000	6.744.444	4.444.444	44.444.440.000	65,90%	65,90%	65,90%
3	11061400	Công ty CP Tư vấn công nghệ Xây dựng Petrolimex	7/2009	3.000.000.000	3.000.000.000	300.000	162.000	1.620.000.000	54,00%	54,00%	54,00%
4	11061600	Công ty CP thương mại và Dịch vụ Petrolimex Huế		6.279.000.000	6.279.000.000	627.900	587.900	5.879.000.000	93,63%	93,63%	93,63%
II		Đầu tư Công ty liên kết (TK223)						4.745.010.000			
1	11061500	Cty CP Bất động sản Nghệ An	6/2011	10.000.000.000	10.000.000.000	1.000.000	474.501	4.745.010.000	47,45%	47,45%	47,45%
III		Đầu tư dài hạn khác (TK228)						4.426.677.840			
1	*	Cổ phiếu ACB	10/2007				54.144	4.034.277.840			
2		Cổ phiếu POT					4.000	61.000.000			
3		Cổ phiếu AAA					1.000	31.400.000			
4		Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Petrolimex Lâm Đồng		30.000.000.000	300.000.000	3.000.000	30.000	300.000.000	10,0%	10,0%	10,0%

Người lập biểu



Vũ Phương Nhung

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy Diệp

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2015
Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số: 02-A/HN-CTC

BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

Phần I/ Doanh thu hàng hóa

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Mã đơn vị	Chỉ tiêu/Đơn vị mua	Sản phẩm hàng hóa (Dầu sáng, dầu mỡ nhờn, gas, bếp, phụ kiện)				Sản phẩm vật tư MMTB - TKẾ XLấp		
			Doanh thu thuần	Phí xăng dầu	Giá vốn	Lãi gộp	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
A	B	C	1	2	3	4 = 1-3	5	6	7=5-6
1	11050000	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam					310.086.495	389.699.391	(79.612.896)
2	11053000	Công ty CP Xây lắp I Petrolimex					730.741.542	702.787.620	27.953.922
3	11001500	CN Xăng dầu Bắc Ninh					118.214.608	48.820.551	69.394.057
4	11009300	CN Xăng dầu Ninh Bình -Cty Xăng dầu Hà Nam Ninh					12.179.000	5.987.008	6.191.992
5	11040000	Cty Xăng dầu Tuyên Quang					135.989.091	63.039.617	72.949.474
6	11045000	Cty Xăng dầu Lào Cai					64.174.500	17.953.934	46.220.566
7	11001700	Tổng kho Xăng dầu Đức Giang					70.000.000	40.800.000	29.200.000
8	11001600	Công ty Xăng dầu Vĩnh Phúc					44.778.088	21.264.000	23.514.088
		Cộng	-	-	-	-	1.486.163.324	1.290.352.121	195.811.203

Người lập biểu



Vũ Phương Nhung

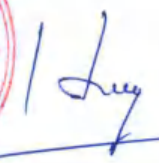
Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy Diệp

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc

Phan Thanh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số: 03/HN-CTC

BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO HÀNG HÓA MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Chi tiêu/Đơn vị bán	Xăng dầu	Hóa dầu	Gas, bếp và phụ kiện	Hàng hóa khác
A	B	C	D	1	2	3	4
I			Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho đầu kỳ	257.257.976	41.236.374	1.123.200	-
II			Giá trị hàng hóa mua nội bộ trong kỳ	8.852.532.550	61.449.600	-	-
1	XD	11018000	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	8.852.532.550	61.449.600	-	-
III			Giá trị hàng hóa mua nội bộ xuất trong kỳ	8.897.906.008	68.867.907	-	-
IV			Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho cuối kỳ	211.884.518	33.818.067	1.123.200	-

Người lập biểu



Vũ Phương Nhung

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy Diệp

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc




Phan Thanh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số: 04-B/HN-CTC

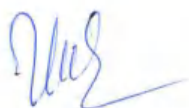
BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: *Đồng*

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHĐXD	Phải thu khác	Kỹ quỹ ký cược	Cho vay nội bộ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
PHẦN I: NGẮN HẠN				273.153.440	-	-	-	-	-
1	XD	11017000	Cty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	166.544.300	-	-	-	-	-
2		11050000	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	37.173.167	-	-	-	-	-
3	XD	11001700	Tổng kho Xăng dầu Đức giang	47.000.000	-	-	-	-	-
4	CP	11003000	Công ty Xăng dầu khu vực III-TNHN MTV	12.344.973	-	-	-	-	-
5	CP	11004000	Công ty Xăng dầu khu vực V	10.091.000	-	-	-	-	-
PHẦN II: DÀI HẠN				-	-	-	-	-	-

Người lập biểu



Vũ Phương Nhung

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy Diệp

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số: 05-B/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả trước	Phải trả theo tiến độ KH HĐXD	Phải trả phải nộp khác	Nhận ký quỹ ký cược	Vay và nợ nội bộ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
PHẦN I: NGẮN HẠN				835.688.922	1.533.837.713	-	466.324.903	-	-
1		11050000	Tập đoàn Xăng dầu VN	58.740.060	-	-	466.324.903	-	-
2		11001500	Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh	70.422.945					
3		11053700	Công ty Xăng dầu khu vực I		783.535.513				
4		11056900	Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng		446.002.200				
5		11053000	Công ty CP Xây lắp 1 Petrolimex		282.800.000				
6		11005200	Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương		21.500.000				
7		11053700	Công ty TNHH Bê tông và Xây lắp Petrolimex	110.494.642					
8		11018000	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	596.031.275					
PHẦN II: DÀI HẠN				-	-	-	-	-	-

Người lập biểu



Vũ Phương Nhung

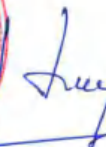
Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy Diệp

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc

Phan Thanh Hùng

